TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/HS-ST.
Ngày: 28-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG,TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Nhất

Ông Lê Tuấn Việt

- Thư ký phiên tòa : Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn C, sinh ngày 25/11/1981; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị X; có vợ là Bùi Thị N1 và 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Lê Đình M, sinh ngày 05/9/1994; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H và bà Phan Thị H1; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Lê Văn H2, sinh ngày 10/6/1965; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H3 và bà Bùi Thị K; có vợ là Nguyễn Thị L và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Lê Đình H4, sinh ngày 01/3/1987; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình M và bà Vũ Thị H5; có vợ là Nguyễn Thị H6 và 01 con sinh năm 2016; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 07/8/1984; sinh và trú tại: Thôn 2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H7 và bà Hoàng Thị H8 chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/10/1965; sinh và trú tại: Thôn 3, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị K1; có vợ là Vũ Thị H9 và 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Lê Công T4, sinh ngày 08/10/1968; sinh và trú tại: Thôn 3, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công D và bà Nguyễn Thị L1; có vợ là Nguyễn Thị Y và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2009; không tiền án, tiền sự; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Lê Văn T5, sinh ngày 02/5/1959; sinh và trú tại: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T6 và bà Bùi Thị N1; có vợ là Trần Thị N2 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2003; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/11/2018 đến ngày 23/11/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 16/11/2018 sau khi đi đám cưới về, Lê Công T4, Lê Văn H2 vào nhà Lê Văn C uống nước. Tại đây, C, T4, H2 rủ nhau đánh bài ăn tiền. C là người đi mua bài về rồi cùng T4, H2 xuống nhà dưới đánh bài ăn tiền dưới hình thức 3 cây cộng điểm. Mức cược thấp nhất là 10.000đ. Sau đó lần lượt có Nguyễn Văn T3, Lê Đình M, Nguyễn Văn T2, Lê Đình H4, Lê Văn T5 cùng đến tham gia đánh bài. Lúc này có 8 người chơi nên tiền cược tăng lên thấp nhất là 50.000đ. Ngồi ngoài xem có Bùi Viết L2 và Lê Văn Đ. Hình thức chơi, sử dụng 36 cây trong bộ bài tú lơ khơ, lấy từ A đến 9 gồm 4 chất rô, cơ, nhép, bích. Người cầm cái sẽ chia bài cho những người tham gia chơi theo vòng tròn từ phải qua trái mỗi người 3 cây. Trước khi chia người chơi phải đặt tiền cược thấp nhất là 10.000đ, cược thêm tùy ý người đánh. Chất bài cao, thấp dựa theo thứ tự rô, cơ, nhép, bích. Sau khi chia bài xong, những người chơi ngửa bài cộng điểm rồi so với nhau, cao nhất là 10 điểm, thấp nhất là 1 điểm (cộng điểm tính hàng đơn vị). Các đối tượng chơi đến 0 giờ 10 phút ngày 17/11/2018 Công an huyện Nông Cống phát hiện và bắt quả tang.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận như sau:

- Lê Văn C là người khởi xướng, trực tiếp đi mua bài và cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình. C đã sử dụng 600.000đ để đánh bạc. Tuy nhiên, C không thu tiền hay nhận lợi ích vật chất từ các bị cáo khác nên chỉ đủ căn cứ xử lý C về hành vi đánh bạc với vai trò chủ mưu.

- Lê Đình M mang theo 2.650.000đ đi đánh bạc, đã lấy ra 250.000đ đánh. Số còn lại 2.400.000đ khi bị bắt, Công an đã thu giữ trong người M.

- Lê Văn H2 mang theo 500.000đ để đánh bạc.

- Lê Đình H4 mang theo 1.400.000đ đi đánh bạc, đã lấy ra 850.000đ đánh. Số còn lại 560.000đ khi bị bắt, Công an đã thu giữ.

- Nguyễn Văn T2 mang theo 1.300.000đ để đánh bạc.

- Nguyễn Văn T3 mang theo 1.280.000đ để đánh bạc, đã lấy ra 1.250.000đ đánh, số còn lại 30.000đ khi Công an bắt đã thu giữ trong người T3.

- Lê Văn T5 mang theo 100.000đ đồng để đánh bạc.

- Lê Công T4 mang theo 900.000đ đồng để đánh bạc.

Tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng đánh bạc là 8.730.000đ.

Đối với Bùi Viết L2 và Lê Văn Đ ngồi ngoài xem, không tham gia đánh bạc.

Vật chứng vụ án: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 8.740.000đ; 36 lá bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu cói cũ. Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Nông Cống chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự (sau đây viết tắt là THADS) huyện Nông Cống ngày 01/02/2019.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS, ngày 28/01/2019 của VKSND huyện Nông Cống đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

* Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi, hứa sửa chữa, không tái phạm, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Giữ nguyên quyết đinh truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS lên chi bị cáo Cường mức hình phạt từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thơi gian thử thách gấp đôi; phạt bổ sung bị cáo từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo:

Lê Công T4, Lê Văn H2 mỗi bị cáo từ 27.000.000đ đến 30.000.000đ.

Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Lê Đình M mỗi bị cáo từ 25.000.000đ đến 27.000.000đ.

Lê Văn T5, Lê Đình H4 mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 23.000.000đ.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 36 lá bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu cói; đề nghị tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 8.740.000đ. Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, VKSND huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai quá trình điều tra, cùng vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 0 giờ 10 phút ngày 17/11/2018, các bị cáo Lê Văn C, Lê Công T4, Lê Văn H2, Nguyễn Văn T3, Lê Đình M, Nguyễn Văn T2, Lê Đình H4, Lê Văn T5 đã có hành vi đánh bạc tại nhà Lê Văn C ở thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa dưới hình thức 3 cây cộng điểm được thua bằng tiền. Tổng số tiền mà các bị cáo khai đánh bạc là 8.730.000đ. Cụ thể từng bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc như sau: Lê Văn C 600.000đ; Lê Đình M 2.650.000đ; Lê Văn H2 là 500.000đ; Lê Đình H4 là 1.400.000đ; Nguyễn Văn T2 là 1.300.000đ; Nguyễn Văn T3 là 1.280.000đ; Lê Văn T5 là 100.000đ; Lê Công T4 là 900.000đ. Tuy nhiên, khi bắt quả tang CQĐT Công an huyện Nông Cống đã thu giữ tại chiếu bạc và thu trong người các đối tượng là 8.740.000đ. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Như vậy, VKSND huyện Nông Cống truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà Nước, gây mất trạt tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo C là người trực tiếp đi mua bài và cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, vì vậy xếp vai trò thứ nhất, các bị cáo còn lại đều là người thực hành. Tuy nhiên các bị cáo T4 và H2 tham gia đánh từ đầu cùng với C nên xếp vai trò thứ 2; các bị cáo tham gia đánh bạc giai đoạn sau, xếp vai trò thứ 3 gồm có: T3, Minh, T2, T5, H4; trong đó bị cáo T5 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất (100.000đ).

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Cả 8 bị cáo không có tình tiết tăng nặng mà có chung các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51BLHS. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Cường ấn định thời gian thử thánh dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cùng đủ

để giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Các bị cáo còn lại áp dụng hình phạt tiền là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS phạt bổ sung bị cáo C 1 khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng: Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói.

[9] Về án phí: Các bị cáo có tội, bị kết án nên phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Lê Văn C, Lê Công T4, Lê Văn H2, Nguyễn Văn T3, Lê Đình M, Nguyễn Văn T2, Lê Đình H4, Lê Văn T5 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS;

1. Xử phạt bị cáo Lê Văn C 9 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2019).

Phạt bổ sung bị cáo 12.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 BLHS:

2. Xử phạt bị cáo Lê Công T4: 27.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Xử phạt bị cáo Lê Văn H2: 27.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: 25.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3: 25.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Xử phạt bị cáo Lê Đình M 25.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Xử phạt bị cáo Lê Đình H4: 22.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

8. Xử phạt bị cáo Lê Văn T5: 20.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 36 lá bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu cói; tịchthu sung ngân sách Nhà nước 8.740.000đ (theo biên

bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2019 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục THADS huyện Nông Cống).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Buộc các bị cáo C, T4, H2, H4, T5, T2, T3, M mỗi người phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ; văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình